FireAnt

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (UPCOM: SEA)

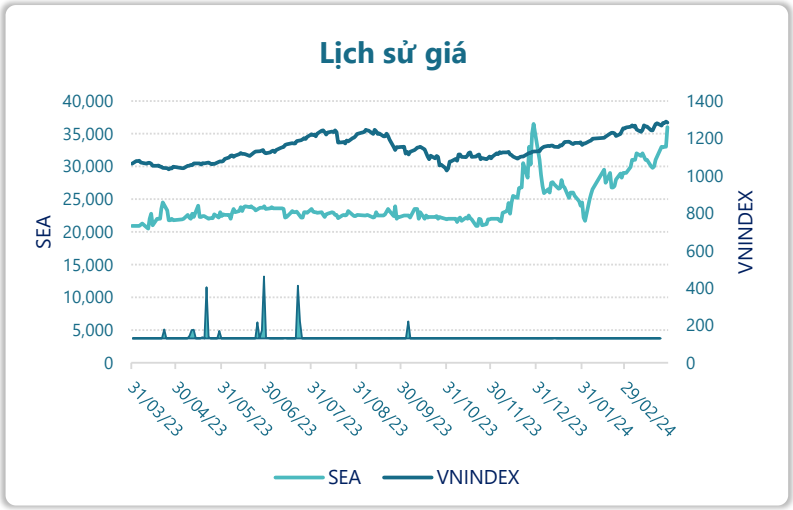

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**36,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
SL cổ phiếu LH	124,990,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	155,575
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,500
P/E	20.1
EPS	1,792

DT thuần

Q1/24

124

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00| -4.8%

YoY: ▼46.0| -27.2%

LN sau thuế

Q1/24

39.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.0| -21.7%

YoY: ▼1.40| -3.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

34.9%

+/- YoY: ▲ 9.6%

DT thuần

2023

701

tỷ VNĐ

YoY: ▼281| -28.6%

LN sau thuế

2023

230

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.00| -1.7%

ROE

2023

10.4%

+/- YoY: ▲ 1.5%

Kết quả kinh doanh

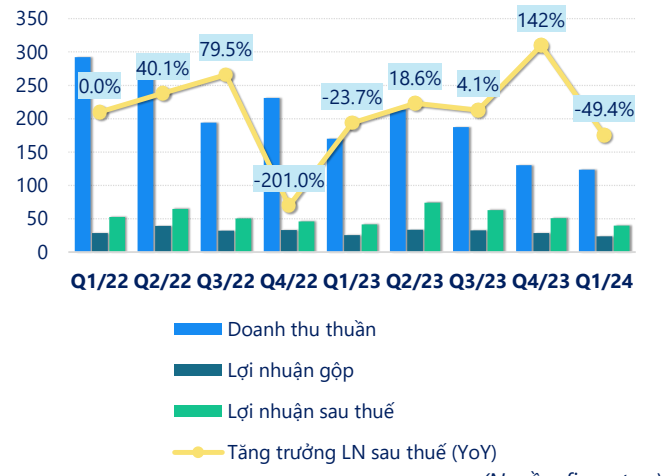

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

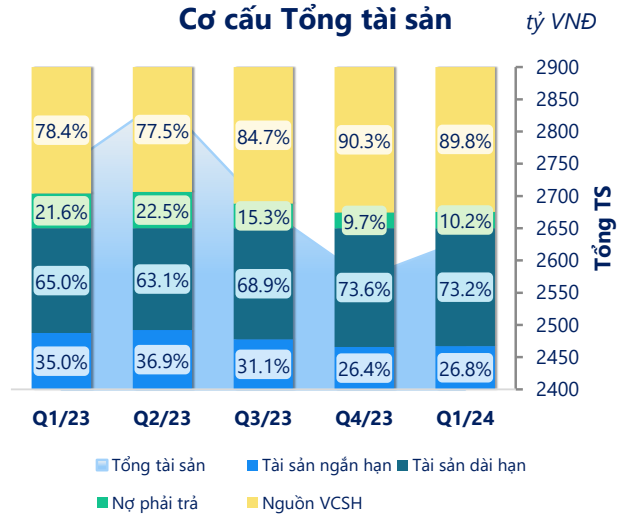

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

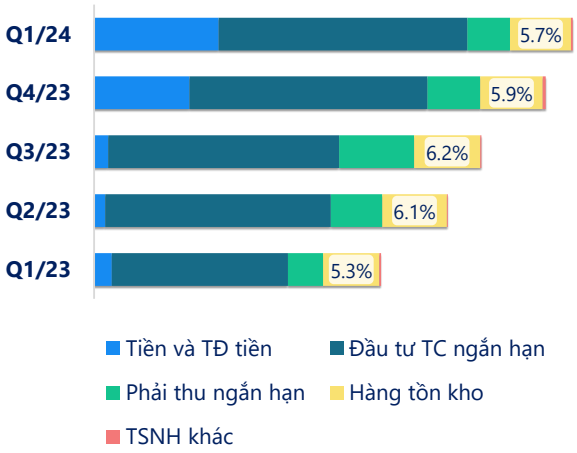

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

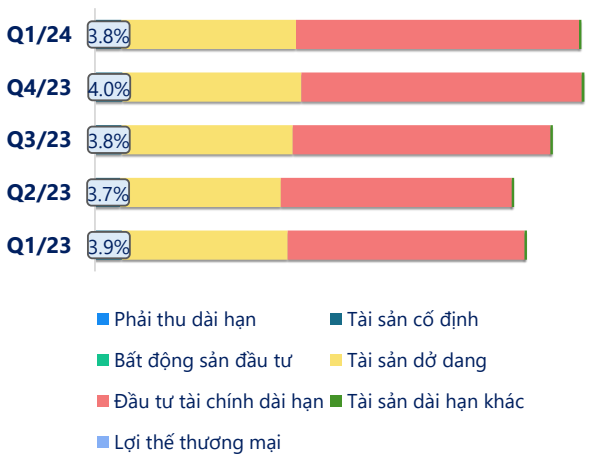

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

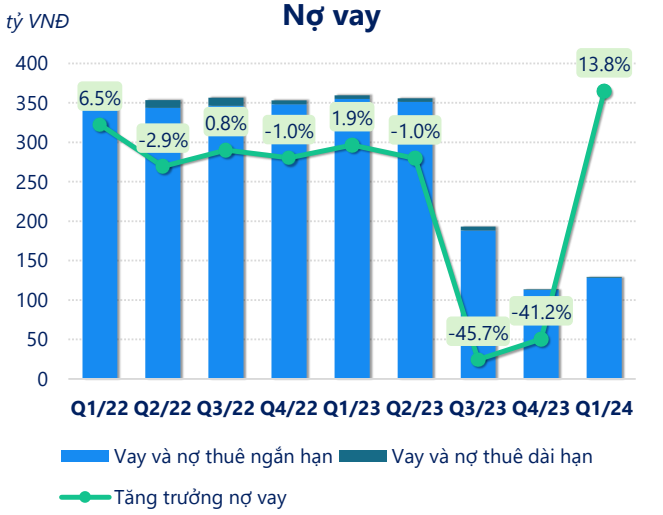

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

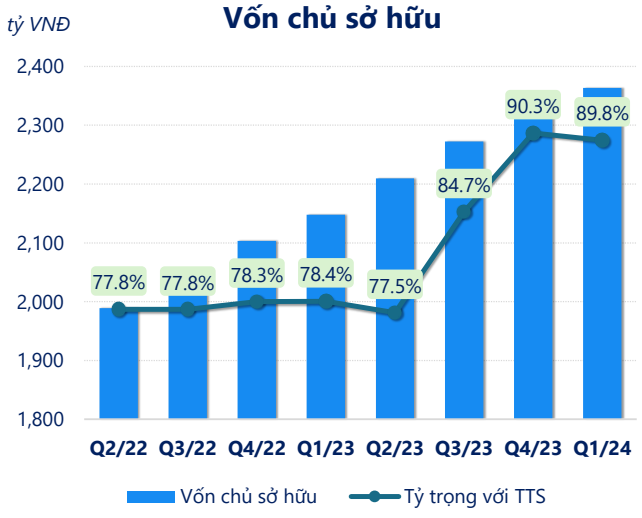

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

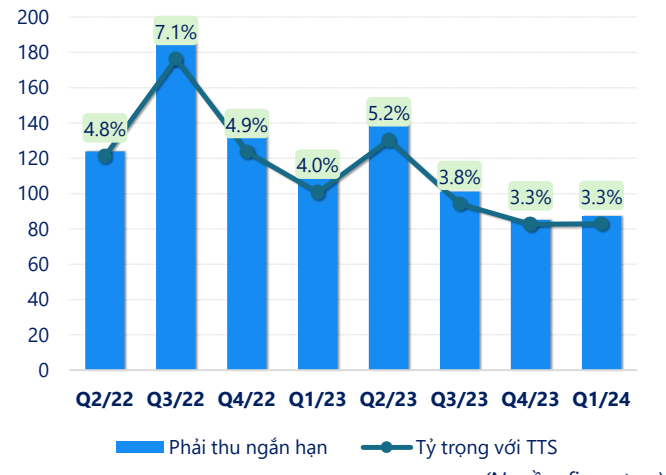

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

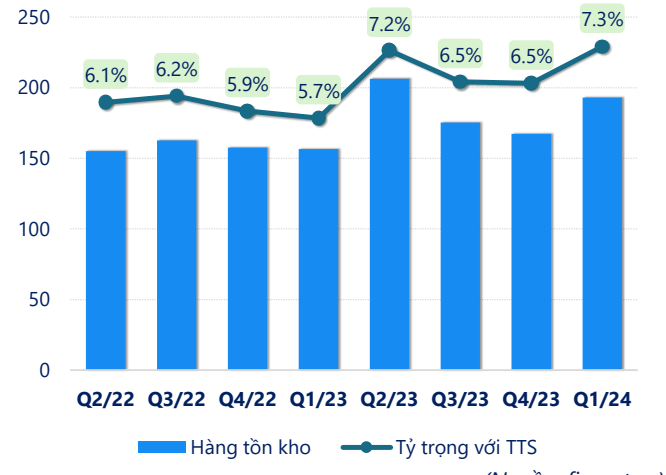

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

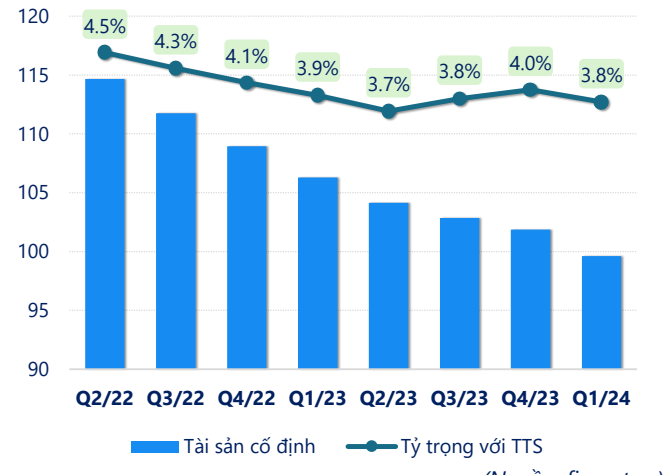

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

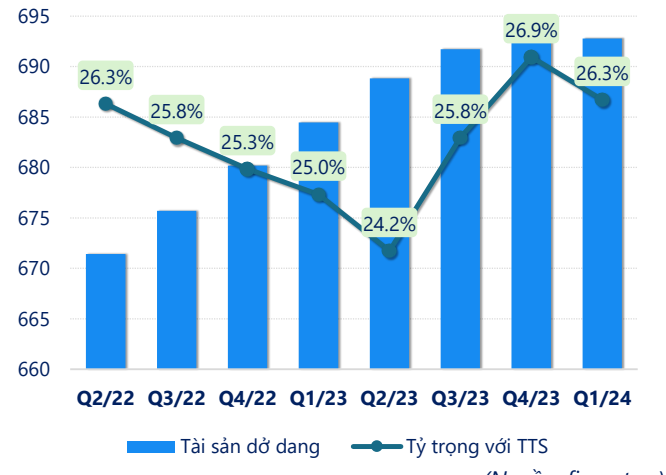

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

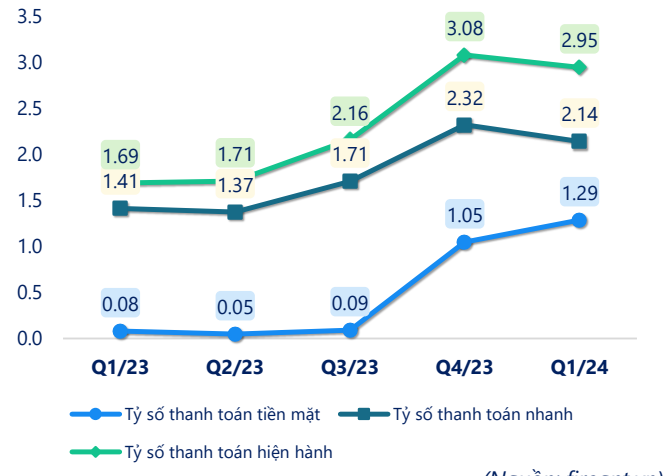

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

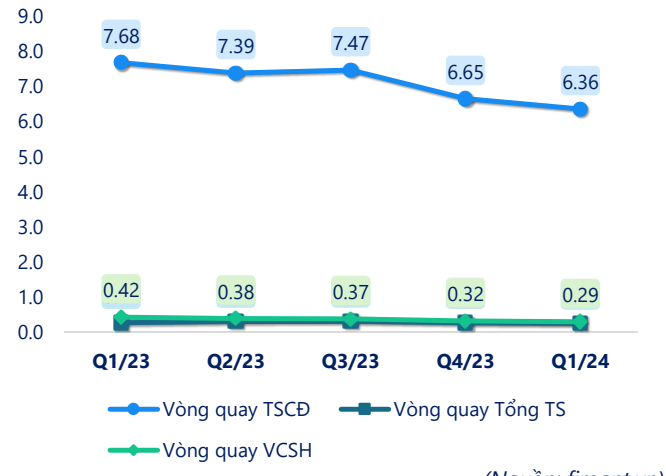

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**2,741**	**2,849**	**2,683**	**2,573**	**2,633**
Tài sản ngắn hạn	**959**	**1,052**	**834**	**679**	**706**
Tiền và tương đương tiền	45.8	29.5	35.4	231	308
Đầu tư tài chính ngắn hạn	641	663	517	193	114
Phải thu ngắn hạn	110	148	101	85.1	87.3
Hàng tồn kho	157	206	175	167	193
Tài sản ngắn hạn khác	5.28	4.18	5.32	3.19	3.18
Tài sản dài hạn	**1,782**	**1,797**	**1,849**	**1,894**	**1,927**
Phải thu dài hạn	4.29	4.32	4.35	4.37	4.38
Tài sản cố định	106	104	103	102	99.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	684	689	692	693	693
Đầu tư tài chính dài hạn	976	990	1,040	1,086	1,121
Tài sản dài hạn khác	10.6	10.2	9.65	9.70	9.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**593**	**640**	**411**	**250**	**269**
Nợ ngắn hạn	**567**	**615**	**386**	**220**	**239**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	355	351	188	113	128
Phải trả người bán ngắn hạn	9.21	47.8	12.5	6.10	11.3
Nợ dài hạn	25.5	24.5	24.7	29.7	29.8
Vay và nợ thuê dài hạn	4.81	4.81	4.81	1.04	1.04
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,148**	**2,209**	**2,272**	**2,323**	**2,363**
Vốn chủ sở hữu	**2,148**	**2,209**	**2,272**	**2,323**	**2,363**
Vốn điều lệ	1,250	1,250	1,250	1,250	1,250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)